CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI
TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Tên viết tắt: TTC

Địa chỉ trụ sở chính: 1253 Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066.3822376

Fax: 066.3828645

Website: http://tanitour.com.vn

Người được ủy quyền CBTT: Bà Lý Thị Thu Hồng

Chức danh: Giám đốc Tổ chức – Hành chính

Loại thông tin công bố:

☑ Định kỳ ☐ 24h ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung thông tin công bố:

1) Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/3/2017 tại đường dẫn http://tanitour.com.vn

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 08/3/2017
Người được Ủy quyền Công bố thông tin
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)

Lý Thị Thu Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016 từ trang 6 đến trang 43 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch	
Ông Trần Anh Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/05/2016

Ban Kiểm soát

Ông Lý Bình Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/05/2016
Bà Lâm Thị Ngọc Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26/01/2016

Ban Tổng Giám đốc

Trần Anh Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/01/2017
	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/01/2016
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 25/01/2016
Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Hiền.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại Chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Anh Minh
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

UHY ACA Ltd

Số: 15 */2017/UHYACAHCM - BCKTĐL*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 43 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phan Thanh Điền	**Lương Ngô Bảo Trân**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán	Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1	số 1828-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**56.828.554.921**	**57.991.050.289**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**6.545.956.076**	**40.071.069.292**
Tiền	111		3.045.956.076	2.071.069.292
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	38.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6a**	**33.056.672.084**	**1.066.916.667**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		33.056.672.084	1.066.916.667
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**5.771.752.629**	**9.089.585.928**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	593.231.192	891.302.371
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.008.046.858	5.546.382.248
Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	4.067.504.347	3.389.555.477
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.088.059.135)	(988.683.535)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	191.029.367	251.029.367
Hàng tồn kho	**140**	**11**	**10.528.502.740**	**7.181.893.013**
Hàng tồn kho	141		10.528.502.740	7.181.893.013
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**925.671.392**	**581.585.389**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15a	18.429.384	157.301.606
Thuế GTGT được khấu trừ	152		656.091.559	169.343.156
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	251.150.449	254.940.627
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**57.988.916.385**	**44.839.963.052**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**8b**	**-**	**-**
Tài sản cố định	**220**		**17.185.082.071**	**5.538.159.453**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.015.099.683	5.368.177.065
- Nguyên giá	*222*		*21.281.214.378*	*7.225.957.950*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(4.266.114.695)*	*(1.857.780.885)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	*228*		*169.982.388*	*169.982.388*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.492.213.726**	**-**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.492.213.726	-
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6b**	**34.736.739.344**	**39.001.822.393**
Đầu tư vào công ty con	251		27.459.910.430	27.459.910.430
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.419.797.860	12.419.797.860
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.142.968.946)	(877.885.897)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.574.881.244**	**299.981.206**
Chi phí trả trước dài hạn	261	15b	4.574.881.244	299.981.206
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**114.817.471.306**	**102.831.013.341**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**15.454.209.825**	**12.139.201.520**
Nợ ngắn hạn	**310**		**14.918.737.325**	**11.788.248.520**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.624.099.953	1.182.431.278
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	24.312.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	968.860.119	984.998.180
Phải trả người lao động	314		3.222.779.456	2.300.115.129
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	783.566.558	227.893.144
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	4.100.981.812	3.446.245.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	20a	4.151.300.957	3.587.231.240
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		67.148.470	35.022.094
Nợ dài hạn	**330**		**535.472.500**	**350.953.000**
Phải trả dài hạn khác	337	20b	535.472.500	350.953.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**99.363.261.481**	**90.691.811.821**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**94.604.308.887**	**89.443.460.407**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*45.702.100.000*	*45.702.100.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418		36.324.316.407	30.078.573.461
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.577.892.480	13.662.786.946
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*12.577.892.480*	*13.662.786.946*
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**4.758.952.594**	**1.248.351.414**
Nguồn kinh phí	431	22	34.674.298	1.194.252.456
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.724.278.296	54.098.958
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**114.817.471.306**	**102.831.013.341**

Tây Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Phượng	Trần Thị Hiền	Trần Anh Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**154.679.036.690**	**154.123.233.592**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**154.679.036.690**	**154.123.233.592**
Giá vốn hàng bán	11	24	**140.447.332.362**	**142.334.062.553**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	**20**		**14.231.704.328**	**11.789.171.039**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	20.207.727.261	14.702.949.315
Chi phí tài chính	22	26	4.269.030.827	893.130.341
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.947.778*	*15.244.444*
Chi phí bán hàng	25	27b	8.596.129.727	6.072.179.726
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27a	5.892.924.465	6.210.814.454
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**15.681.346.570**	**13.315.995.833**
Thu nhập khác	31	28	1.412.731.910	1.605.107.302
Chi phí khác	32	29	71.539.000	254.316.189
Lợi nhuận khác	**40**		**1.341.192.910**	**1.350.791.113**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**17.022.539.480**	**14.666.786.946**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**17.022.539.480**	**14.666.786.946**

Tây Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Phượng	Trần Thị Hiền	Trần Anh Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**17.022.539.480**	**14.666.786.946**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.748.540.998	547.637.205
Các khoản dự phòng	03		4.364.458.649	1.388.794.602
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(20.151.940.756)	(14.654.343.299)
Chi phí lãi vay	06		3.947.778	15.244.444
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***2.987.546.149***	***1.964.119.898***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.789.228.537	27.040.740.859
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.346.609.727)	4.769.201.946
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.186.567.429	(23.495.620.326)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.136.027.816)	178.918.428
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.947.778)	(15.244.444)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.370.321.735
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.339.231.782)	(3.495.258.029)
	20		***(1.862.474.988)***	***8.317.180.067***
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.269.968.004)	(55.000.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.026.255.417)	(66.916.667)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.036.500.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.098.211.693	27.558.856.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(22.161.511.728)***	***27.436.939.532***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.800.000.000	22.600.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.800.000.000)	(22.600.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.501.126.500)	(5.484.252.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(9.501.126.500)***	***(5.484.252.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(33.525.113.216)**	**30.269.867.599**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**40.071.069.292**	**9.801.201.693**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**6.545.956.076**	**40.071.069.292**

Tây Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Phượng	Trần Thị Hiền	Trần Anh Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du Lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du Lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 9 ngày 24 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là thương mại, dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Đại lý du lịch. Chi tiết: dịch vụ du lịch, tổ chức thực hiện các tour lữ hành quốc tế và nội địa;
- Buôn bán thực phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Buôn bán sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Đổi ngoại tệ cho du khách;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp....);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Buôn bán đồ uống; Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý môi giới đấu giá. Chi tiết: Bán vé máy bay, dịch vụ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiêu liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Bán buôn nhiêu liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Cho thuê mặt bằng, quảng cáo;

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con sau:
- Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
- Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh

Công ty có các công ty liên kết sau:
- Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh

1.5 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn hàng hóa bia, nước giải khát, hoạt động kinh doanh giữ xe, vận chuyển xe điện, cho thuê mặt bằng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ tập trung vào các tháng Hội Xuân đầu năm do lượng khách du lịch và sử dụng các dịch vụ, hàng hóa tăng mạnh.

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là buôn bán hàng hóa bia, nước giải khát cho khách hàng là người dân và các đại lý trong địa bàn tỉnh Tây Ninh, hoạt động kinh doanh giữ xe, vận chuyển xe điện, cho thuê mặt bằng.

Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cũng có nhiều đại lý bán bia, nước giải khát với giá cạnh tranh hơn so với công ty cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/05/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phượng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí thuê kho trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hợp đồng.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động kinh doanh nước giải khát, kinh doanh hạt điều và các hoạt động dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh, Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh, Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh và Công ty Cổ phần Gạch Ngói Tây Ninh, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tiền mặt	972.358.937	122.358.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.073.597.139	1.948.710.415
Các khoản tương đương tiền (*)	3.500.000.000	38.000.000.000
Cộng	**6.545.956.076**	**40.071.069.292**

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất là 4,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**33.056.672.084**	**33.056.672.084**	**1.066.916.667**	**1.066.916.667**
a1) **Ngắn hạn**	**33.056.672.084**	**33.056.672.084**	**1.066.916.667**	**1.066.916.667**
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	33.056.672.084	33.056.672.084	1.066.916.667	1.066.916.667
a2) **Dài hạn**	-	-	-	-

	Tại 31/12/2016				Tại 01/01/2016			
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	**39.879.708.290**	**34.736.739.344**	**(5.142.968.946)**	-	**39.879.708.290**	**39.001.822.393**	**(877.885.897)**
Đầu tư vào công ty con	-	**27.459.910.430**	**27.459.910.430**	-	-	**27.459.910.430**	**27.459.910.430**	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	51,00	24.931.910.430	24.931.910.430	-	51,00	24.931.910.430	24.931.910.430	-
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	84,30	2.528.000.000	2.528.000.000	-	84,3	2.528.000.000	2.528.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	**12.419.797.860**	**7.276.828.914**	**(5.142.968.946)**	-	**12.419.797.860**	**11.541.911.963**	**(877.885.897)**
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh (**)	36,3	3.709.415.000	3.709.415.000	-	36,3	3.709.415.000	3.709.415.000	-
Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh (***)	20,4	8.710.382.860	3.567.413.914	(5.142.968.946)	20,4	8.710.382.860	7.832.496.963	(877.885.897)

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng Công Thương Chi nhánh Hòa Thành với lãi suất từ 4,8% - 6,7%/năm.

(**) Căn cứ vào Công văn 1831/UBND-KTTC ngày 04/07/2016 về phê duyệt giá khởi điểm để thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Tây Ninh, Công ty Cổ Phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh hiện đang thực hiện chào bán toàn bộ 337.220 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(***) Theo Giấy xác nhận của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh, Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 13/08/2016 đến ngày 12/08/2017. Do đó, giá trị trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/08/2016.

Ngoài ra, căn cứ vào thông báo 02/2016/BTCĐG ngày 16/12/2016 của Công ty CP Chứng khoán Beta về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh, Công ty Cổ phần Du Lịch -Thương Mại Tây Ninh sẽ chuyển giao 1.018.051 cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Hải Đăng và 99 cổ phiếu cho cá nhân Nguyễn Quốc Ái Di từ ngày 16/12/2016 đến 29/12/2016. Đến thời điểm lập báo cáo này, các thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất do các tổ chức, cá nhân đấu giá thành công đã xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 và được UBND Tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo Quyết định số 3739/UBND – KTTC ngày 29/12/2016.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**593.231.192**	-	**891.302.371**	-
Tạp hóa Nhân Trang	-	-	209.523.000	-
Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico Việt Nam	70.000.000	-	-	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	444.325.000	-	82.000.000	-
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	76.530.000	-	2.040.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.376.192	-	597.739.371	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**520.855.000**	-	**84.040.000**	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	444.325.000	-	82.000.000	-
Công ty Cổ Phần Lữ Hành Tây Ninh	76.530.000	-	2.040.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**4.067.504.347**	**(1.088.059.135)**	**3.389.555.477**	**(988.683.535)**
Cổ tức phải thu Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	-	-	118.027.000	-
Tạm ứng	254.428.840	-	136.067.500	-
Ký quỹ, ký cược vỏ chai	1.967.022.422	-	1.774.401.422	-
Lãi dự thu	362.050.716	-	190.294.653	-
Phải thu lại tiền lương nhân viên quản lý	162.000.000	-	-	-
Phải thu tiền hàng, vỏ chai thiếu	1.184.459.535	(1.088.059.135)	1.154.318.735	(988.683.535)
Các khoản phải thu khác	137.542.834	-	16.446.167	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**4.067.504.347**	**(1.088.059.135)**	**3.389.555.477**	**(988.683.535)**

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	**1.088.059.135**	**1.088.059.135**	-	**988.683.535**	**988.683.535**	-
DNTN Ngọc Giàu	69.060.000	69.060.000	-	69.060.000	69.060.000	-
Nguyễn Văn Huy	495.185.586	495.185.586	-	495.185.586	495.185.586	-
Lê Hiền Trí	208.450.249	208.450.249	-	208.450.249	208.450.249	-
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	189.770.000	189.770.000	-	135.550.000	135.550.000	-
HKD Nguyễn Bích Vân	100.284.000	100.284.000	-	70.198.800	70.198.800	-
Lê Phước Vũ	10.238.900	10.238.900	-	10.238.900	10.238.900	-
Công ty TNHH Lê Thiên Khang	15.070.400	15.070.400	-	-	-	-
Cộng	**1.088.059.135**	**1.088.059.135**	-	**988.683.535**	**988.683.535**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Vườn cây khu Du lịch Núi Bà Đen	191.029.367	251.029.367
Cộng	**191.029.367**	**251.029.367**

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	2.966.356.987	-	3.174.225.725	-
Hàng hóa	7.562.145.753	-	4.007.667.288	-
Cộng	**10.528.502.740**	**-**	**7.181.893.013**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2016	**4.355.381.105**	**224.247.267**	**2.536.079.578**	**110.250.000**	**-**	**7.225.957.950**
Mua trong năm	3.275.377.847	-	4.645.105.416	248.369.000	556.432.015	8.725.284.278
Hình thành từ ngân sách	880.293.316	27.587.340	-	81.164.750	4.340.926.744	5.329.972.150
Tại 31/12/2016	**8.511.052.268**	**251.834.607**	**7.181.184.994**	**439.783.750**	**4.897.358.759**	**21.281.214.378**
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2016	**419.201.324**	**30.584.832**	**1.400.396.462**	**7.598.267**	**-**	**1.857.780.885**
Khấu hao trong năm	709.231.536	22.424.724	797.785.336	79.991.390	139.108.012	1.748.540.998
Hao mòn cho TS ngân sách	86.508.348	3.448.416	-	27.220.204	542.615.844	659.792.812
Tại 31/12/2016	**1.214.941.208**	**56.457.972**	**2.198.181.798**	**114.809.861**	**681.723.856**	**4.266.114.695**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	**3.936.179.781**	**193.662.435**	**1.135.683.116**	**102.651.733**	**-**	**5.368.177.065**
Tại 31/12/2016	**7.296.111.060**	**195.376.635**	**4.983.003.196**	**324.973.889**	**4.215.634.903**	**17.015.099.683**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 410.956.724 đồng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	**1.492.213.726**	**1.492.213.726**	-	-
+ Chi phí quản lý quy hoạch 1:500	87.458.000	87.458.000	-	-
+ Chi phí tư vấn lập quy hoạch 1:500	74.877.271	74.877.271	-	-
+ Chi phí tư vấn khảo sát đo đạt quy hoạch 1:500	508.973.182	508.973.182	-	-
+ Chi phí tư vấn lập đồ án quy hoạch 1:500	820.905.273	820.905.273	-	-
Cộng	**1.492.213.726**	**1.492.213.726**	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	**18.429.384**	**157.301.606**
Chi phí đường bộ	3.032.085	2.166.000
Chi phí sửa chữa	6.364.728	-
Công cụ dụng cụ	1.334.094	29.122.348
Chi phí lắp đặt pano quảng cáo, quảng cáo trên cabin Cáp treo	7.371.201	6.013.258
Chi phí tư vấn lập phương án khai thác KS Tỉnh Ủy Tây Ninh	-	120.000.000
Chi phí khác	327.276	-
b) Dài hạn	**4.574.881.244**	**299.981.206**
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	16.345.134	1.386.666
Chi phí công cụ, dụng cụ	453.203.783	75.122.724
Chi phí thuê kho	610.909.094	136.363.638
Chi phí sửa chữa, nâng cấp	678.751.075	75.108.178
Phí sử dụng phần mềm Misa	6.000.000	12.000.000
Chi phí đấu giá bãi xe các loại tại KDLNB	2.696.969.697	-
Chi phí khác	112.702.461	-
Cộng	**4.593.310.628**	**457.282.812**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**1.624.099.953**	**1.624.099.953**	**1.182.431.278**	**1.182.431.278**
Công ty TNHH bia và nước giải khát Heineken Việt Nam	1.015.007.417	1.015.007.417	-	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	436.318.000	436.318.000	1.106.509.656	1.106.509.656
Công ty TNHH NGK Coca-Cola Việt Nam	83.232.336	83.232.336	-	-
Công ty CP Chứng khoán Beta	-	-	20.500.000	20.500.000
Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo	-	-	1.152.542	1.152.542
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Huỳnh Thanh	-	-	44.359.780	44.359.780
Các khoản phải trả người bán khác	89.542.200	89.542.200	9.909.300	9.909.300
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	**436.318.000**	**436.318.000**	**1.106.509.656**	**1.106.509.656**
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	436.318.000	436.318.000	1.106.509.656	1.106.509.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2016 VND
a)Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	753.859.538	753.859.538	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	161.524.539	146.280.218	15.244.321
Các loại thuế khác	721.000	-	-	721.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	984.277.180	37.061.122.306	37.092.504.688	952.894.798
+ Phí tham quan vào cổng	468.480.000	28.790.784.000	28.745.600.000	513.664.000
+ Phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	212.914.996	187.309.433	381.202.011	19.022.418
+ Phải nộp 35% số thu cho thuê MB KDL	-	739.746.212	739.746.212	-
+ Các khoản phải nộp Nhà nước	302.882.184	7.343.282.661	7.225.956.465	420.208.380
Cộng	**984.998.180**	**37.976.506.383**	**37.992.644.444**	**968.860.119**
b)Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	4.494.178	4.494.178	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.446.449	-	-	250.446.449
Tiền nhà đất và tiền thuê đất	-	116.852.298	117.556.298	704.000
Cộng	**254.940.627**	**121.346.476**	**117.556.298**	**251.150.449**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	**783.566.558**	**227.893.144**
Trích trước chi phí thẩm định giá tài sản KDL	-	40.909.091
Trích trước chi phí phòng kinh doanh	37.066.558	12.330.780
Trích trước chi phí thẩm định xác định giá trị vốn chủ sở hữu Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	-	22.727.273
Trích trước bổ sung chi phí đồng phục 2016	692.500.000	-
Trích trước chi phí thuê đất	-	71.926.000
Trích trước chi phí khác	54.000.000	80.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**783.566.558**	**227.893.144**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	**4.100.981.812**	**3.446.245.455**
Doanh thu cho thuê mặt bằng tại KDL Núi Bà	4.100.981.812	3.446.245.455
b) Dài hạn	-	-
	-	-
c) Khả năng không thực hiện hợp đồng với khách hàng		
Cộng	**4.100.981.812**	**3.446.245.455**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	**4.151.300.957**	**3.587.231.240**
Kinh phí công đoàn	50.855.543	42.041.379
Bảo hiểm xã hội	-	23.278.242
Tiền thế chấp phải trả	2.577.932.034	2.887.222.661
Phải trả bảo hành công trình	27.743.000	38.781.550
Cổ tức phải trả	156.234.500	59.920.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	691.675.400	70.000.000
Các khoản phải trả khác	646.860.480	465.987.408
b) Dài hạn	**535.472.500**	**350.953.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	535.472.500	350.953.000
Cộng	**4.686.773.457**	**3.938.184.240**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2015	**45.702.100.000**	**24.218.159.363**	**12.047.666.098**	**81.967.925.461**
Lãi trong năm	-	-	14.666.786.946	14.666.786.946
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển năm 2014	-	5.860.414.098	(6.563.414.098)	(703.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	(304.000.000)	(304.000.000)
Tại 31/12/2015	**45.702.100.000**	**30.078.573.461**	**13.662.786.946**	**89.443.460.407**
Tại 01/01/2016	**45.702.100.000**	**30.078.573.461**	**13.662.786.946**	**89.443.460.407**
Lãi trong năm	-	-	17.022.539.480	17.022.539.480
Chia cổ tức năm 2015 (*)	-	-	(6.398.294.000)	(6.398.294.000)
Tạm chia cổ tức năm 2016			(3.199.147.000)	(3.199.147.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển năm 2015 (*)	-	6.245.742.946	(7.169.492.946)	(923.750.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	(340.500.000)	(340.500.000)
Tại 31/12/2016	**45.702.100.000**	**36.324.316.407**	**12.577.892.480**	**94.604.308.887**

(*) Công ty trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 12/05/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
Chủ sở hữu	**Tỷ lệ**	**Giá trị (VND)**	**Tỷ lệ**	**Giá trị (VND)**
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh	80,8%	36.942.300.000	80,8%	36.942.300.000
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	4,3%	1.978.800.000	4,3%	1.978.800.000
Ông Lê Hữu Phước	0,1%	29.000.000	0,1%	29.000.000
Các cổ đông khác	14,8%	6.752.000.000	14,8%	6.752.000.000
Cộng	**100%**	**45.702.100.000**	**100%**	**45.702.100.000**

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.702.100.000	45.702.100.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.597.441.000	5.484.252.000

21.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
** Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)*	*10.000*	*10.000*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.324.316.407	30.078.573.461
Cộng	**36.324.316.407**	**30.078.573.461**

22. NGUỒN KINH PHÍ

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	1.194.252.456	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.197.696.000	6.869.352.000
Chi sự nghiệp	8.357.274.158	5.675.099.544
Nguồn kinh phí cuối năm	**34.674.298**	**1.194.252.456**

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu	**154.679.036.690**	**154.123.233.592**
Doanh thu nước giải khát	138.877.437.625	125.969.549.115
Doanh thu hạt điều, nhân điều	-	14.200.460.000
Doanh thu dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	4.160.358.179	4.021.697.277
Doanh thu dịch vụ hang Rồng	975.700.000	991.436.363
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	3.862.086.362	3.007.727.274
Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.803.454.524	5.928.363.563
Doanh thu khác	-	4.000.000
b) Doanh thu với các bên liên quan	**201.739.090**	**76.400.000**
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	118.099.999	74.545.455
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	83.639.091	1.854.545
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	476.280.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn nước giải khát	133.532.208.640	120.248.343.371
Giá vốn hạt điều, nhân điều	-	14.040.500.000
Giá vốn dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	3.868.293.613	3.153.140.679
Giá vốn dịch vụ hang Rồng	485.166.778	366.011.227
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	1.893.843.119	2.257.854.546
Giá vốn cho thuê mặt bằng	667.820.212	2.268.212.730
Cộng	**140.447.332.362**	**142.334.062.553**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.340.038.756	1.284.079.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.811.902.000	13.370.264.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	55.786.505	48.606.016
Cộng	**20.207.727.261**	**14.702.949.315**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	3.947.778	15.244.444
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	4.265.083.049	877.885.897
Cộng	**4.269.030.827**	**893.130.341**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**5.892.924.465**	**6.210.814.454**
Chi phí nhân viên quản lý	2.858.814.589	3.312.582.341
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.127.587	100.112.309
Chi phí khấu hao TSCĐ	394.192.488	389.639.709
Thuế, phí và lệ phí	153.185.681	259.670.172
Chi phí dự phòng	99.375.600	510.908.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.804.294	312.921.449
Chi phí bằng tiền khác	1.479.424.226	1.324.979.769
b. Các khoản chi phí bán hàng	**8.596.129.727**	**6.072.179.726**
Chi phí nhân viên	4.234.269.720	3.479.009.075
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	80.467.571	103.634.406
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.354.348.510	157.997.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.719.835	407.705.422
Chi phí bằng tiền khác	2.567.324.091	1.923.833.327

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao người đại diện vốn	468.779.166	326.283.333
Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bia, nước giải khát	603.246.886	751.779.469
Thu nhập khác	340.705.858	527.044.500
Cộng	**1.412.731.910**	**1.605.107.302**

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thẩm định giá	-	1.650.000
Chi phí liên doanh vận chuyển khách bằng xe ngựa	-	165.000.000
Chi phí giám sát sửa chữa các công trình KDL năm 2015, 2016	51.844.000	-
Chi phí khác	19.695.000	87.666.189
Cộng	**71.539.000**	**254.316.189**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**17.022.539.480**	**14.666.786.946**
Các khoản lỗ được kết chuyển	**-**	**(4.997.084.590)**
Chuyển lỗ năm 2012	-	(1.718.759.463)
Chuyển lỗ năm 2013	-	(1.889.908.280)
Chuyển lỗ năm 2014	-	(1.388.416.847)
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	**51.849.000**	**3.700.561.644**
Chi phí không được trừ	51.849.000	254.316.189
Doanh thu chưa thực hiện	-	3.446.245.455
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	**(21.258.147.455)**	**(13.370.264.000)**
Cổ tức nhận được	(17.811.902.000)	(13.370.264.000)
Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(3.446.245.455)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**(4.183.758.975)**	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.150.000	-
Chi phí nhân công	8.030.050.339	7.656.933.896
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.032.953.246	253.108.170
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.748.540.998	547.637.205
Chi phí dự phòng	99.375.600	510.908.705
Thuế, phí và lệ phí	821.005.893	2.527.862.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.284.307.945	2.260.420.870
Chi phí bằng tiền khác	5.384.793.893	6.360.192.068
Cộng	**21.404.177.914**	**20.117.063.816**

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.545.956.076	40.071.069.292
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33.056.672.084	1.066.916.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.156.247.564	3.290.848.146
Cộng	**42.758.875.724**	**44.428.834.105**
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.103.783.367	4.995.375.897
Chi phí phải trả	783.566.558	227.893.144
Cộng	**6.887.349.925**	**5.223.269.041**
Trạng thái ròng	**35.871.525.799**	**39.205.565.064**

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục bán các cổ phiếu đã đầu tư vào Công ty CP KS Hòa Bình Tây Ninh.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợ đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.568.310.867	535.472.500	6.103.783.367
Chi phí phải trả	783.566.558	-	783.566.558
Cộng	**6.351.877.425**	**535.472.500**	**6.887.349.925**
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.644.422.897	350.953.000	4.995.375.897
Chi phí phải trả	227.893.144	-	227.893.144
Cộng	**4.872.316.041**	**350.953.000**	**5.223.269.041**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.545.956.076	-	6.545.956.076
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33.056.672.084	-	33.056.672.084
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.156.247.564	-	3.156.247.564
Cộng	**42.758.875.724**	**-**	**42.758.875.724**
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.071.069.292	-	40.071.069.292
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.066.916.667	-	1.066.916.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.290.848.146	-	3.290.848.146
Cộng	**44.428.834.105**	**-**	**44.428.834.105**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2016	**Kinh doanh nước giải khát**	**Kinh doanh hạt điều, nhân điều**	**Kinh doanh dịch vụ tại KDL**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng	138.877.437.625	-	15.801.599.065	154.679.036.690
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	***138.877.437.625***	***-***	***15.801.599.065***	***154.679.036.690***
Chi phí bộ phận	(133.532.208.640)	-	(6.915.123.722)	(140.447.332.362)
Kết quả kinh doanh bộ phận	***5.345.228.985***	***-***	***8.886.475.343***	***14.231.704.328***
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(14.489.054.192)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	***-***	***-***	***-***	***(257.349.864)***
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	20.207.727.261
Chi phí tài chính	-	-	-	(4.269.030.827)
Thu nhập khác	-	-	-	1.412.731.910
Chi phí khác	-	-	-	(71.539.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	***-***	***-***	***-***	***17.022.539.480***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Năm 2015	**Kinh doanh nước giải khát**	**Kinh doanh hạt điều, nhân điều**	**Kinh doanh dịch vụ tại KDL**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng	125.969.549.115	14.200.460.000	13.953.224.477	154.123.233.592
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	***125.969.549.115***	***14.200.460.000***	***13.953.224.477***	***154.123.233.592***
Chi phí bộ phận	(120.248.343.371)	(14.040.500.000)	(8.045.219.182)	(142.334.062.553)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	***5.721.205.744***	***159.960.000***	***5.908.005.295***	***11.789.171.039***
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(12.282.994.180)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	***(493.823.141)***
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	14.702.949.315
Chi phí tài chính	-	-	-	(893.130.341)
Thu nhập khác	-	-	-	1.605.107.302
Chi phí khác	-	-	-	(254.316.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	***14.666.786.946***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	Công ty con
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	Công ty liên doanh, liên kết

Giao dịch với bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
Bán hàng	476.280.000	913.185.455
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh		
Bán hàng	118.099.999	419.095.454
Mua Hàng	4.078.359.888	60.478.847.039
Cổ tức đã thu	17.609.616.000	26.088.320.000
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh		
Bán hàng	83.639.091	91.609.091
Cổ tức đã thu	101.120.000	151.680.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh		
Cổ tức đã trả	7.757.883.000	4.433.076.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với bên liên quan:

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh		
Phải trả tiền mua hàng	436.318.000	1.106.509.656
Phải thu tiền hàng	-	1.576.423.184
Phải thu khách hàng	444.325.000	82.000.000
Thế chấp, ký quỹ	-	1.349.663.922
Nhận thế chấp, ký quỹ	-	766.700.333
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh		
Phải thu khách hàng	76.530.000	-
Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh		
Cổ tức phải thu	-	118.027.000

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	340.500.000	304.000.000
Tổng thu nhập từ lương Ban Giám đốc	674.400.000	882.000.000
Lương Chủ Tịch HĐQT chuyên trách	388.800.000	-
Cộng	**1.014.900.000**	**1.186.000.000**

34.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 01/HĐTK ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Tân Ngọc Lực, thời hạn 5 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 01/01/2019, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 25.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m2 đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
  - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m2/năm.
  - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m2/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

34.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)

Cam kết thuê hoạt động (Tiếp)

- Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

34.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

34.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Tây Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Phượng	Trần Thị Hiền	Trần Anh Minh